

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khu đô thị thương mại du lịch Apec Golden Valley Mường Lò (Dự án điều chỉnh, nâng quy mô)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khu đô thị thương mại du lịch Apec Golden Valley Mường Lò (Dự án điều chỉnh, nâng quy mô) tại Báo cáo số 92/BC-HĐTĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khu đô thị thương mại du lịch Apec Golden Valley Mường Lò (Dự án điều chỉnh, nâng quy mô) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 09/2023/CV-APG ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần tập đoàn Apec Group;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 125/TTr-STNMT ngày 13 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khu đô thị thương mại du lịch Apec Golden Valley Mường Lò

(Dự án điều chỉnh, nâng quy mô) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần tập đoàn Apec Group (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ; Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Apec Group và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ THƯƠNG MẠI DU LỊCH APEC GOLDEN
VALLEY MƯỜNG LÒ (DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, NÂNG QUY MÔ)
(Kèm theo Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án khu đô thị thương mại du lịch Apec Golden Valley Mường Lò (Dự án điều chỉnh, nâng quy mô).

- Địa điểm thực hiện: Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần tập đoàn Apec Group.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

1.2.1. Phạm vi của dự án

Dự án được thực hiện trên diện tích 168.578,78 m² tại Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Vị trí, tọa độ các điểm khép góc của dự án được giới hạn bởi các điểm theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3⁰ tại bảng sau:

Mốc giới	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2388812,82	474148,35
2	2388786,18	474148,05
3	2388765,76	474141,13
4	2388668,82	474093,81
5	2388671,44	474088,28
6	2388643,14	474071,24
7	2388709,82	473937,21
8	2388827,45	474009,19
9	2388838,58	473987,36
10	2388924,76	473815,54
11	2388989,92	473685,40
12	2389014,79	473702,45
13	2389001,04	473729,97

Mốc giới	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
37	2389305,36	474094,44
38	2389314,04	474114,02
39	2389328,45	474187,66
40	2389356,45	474181,28
41	2389356,94	474183,64
42	2389364,64	474209,22
43	2389366,53	474216,38
44	2389365,84	474219,33
45	2389360,07	474230,00
46	2389338,56	474243,93
47	2389321,46	474282,39
48	2389327,52	474333,41
49	2389323,87	474347,43

Mốc giới	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
14	2389088,46	473791,15
15	2389112,81	473823,33
16	2389120,74	473841,28
17	2389140,94	473882,86
18	2389143,43	473881,93
19	2389153,06	473901,10
20	2389163,06	473917,16
21	2389166,30	473922,07
22	2389179,19	473934,02
23	2389188,86	473936,55
24	2389201,22	473944,90
25	2389217,85	473963,59
26	2389223,49	473972,05
26.A	2389239,91	473992,51
26.B	2389280,07	473967,79
26.C	2389292,25	473983,54
26.D	2389252,40	474008,07
27	2389254,80	474011,06
28	2389252,43	474012,45
29	2389258,19	474020,67
30	2389269,19	474014,20
31	2389277,77	474033,25
32	2389288,98	474050,32
33	2389291,33	474055,93
34	2389293,57	474065,70
35	2389295,18	474070,43
36	2389297,05	474075,10

Mốc giới	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
50	2389319,73	474363,69
51	2389316,02	474378,39
52	2389312,58	474388,65
53	2389311,73	474390,85
54	2389304,75	474388,12
55	2389285,28	474380,62
56	2389265,25	474372,20
57	2389250,02	474364,86
58	2389227,65	474353,97
59	2389203,16	474340,81
60	2389187,55	474331,60
61	2389125,36	474297,53
62	2389140,01	474260,75
62.A	2389126,09	474255,19
62.B	2389111,59	474291,54
62.C	2389092,97	474284,27
62.D	2389107,51	474247,79
63	2389098,19	474244,08
64	2389095,59	474250,64
65	2389085,50	474246,96
66	2389086,20	474244,88
67	2389078,39	474241,85
68	2389075,30	474240,83
69	2389074,59	474242,99
70	2388971,91	474205,58
71	2388834,63	474155,44
72	2388820,92	474151,36

1.2.2. Quy mô của dự án:

- Loại công trình: Công trình dân dụng (Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật).

- Cấp công trình: Công trình cấp III.
- Các công trình kiến trúc được đầu tư đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích mặt bằng quy hoạch là 168.578,78 m²; đáp ứng quy mô dân số 1.900 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Nhà liền kề, nhà phố thương mại: Gồm 301 căn, quy mô từ 3-5 tầng; mật độ xây dựng tối đa 80%, diện tích đất là 31.035,92 m², diện tích xây dựng là 24.828,74 m², tổng diện tích sàn khoảng 66.603,43 m², cụ thể:

+ Nhà ở liền kề xây dựng 03 tầng: 264 căn, diện tích đất là 25.566,79 m², diện tích xây dựng là 20.453,78 m², diện tích sàn là 49.328,80 m², chiều cao xây dựng 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%.

+ Nhà ở liền kề xây dựng 04 tầng: 13 căn với diện tích đất là 1.085,18 m², diện tích xây dựng là 867,80 m², diện tích sàn là 3.245,99 m² (trong đó: LP-11 (07 căn từ LP11-08 - LP11-14) với diện tích đất là 576,44 m², diện tích xây dựng là 460,60 m², diện tích sàn là 1.711,89 m², LP-12 (06 căn từ LP12-07 + LP12-12) với diện tích đất là 508,74 m², diện tích xây dựng là 407,20 m², diện tích sàn là 1.534,1 m²), chiều cao xây dựng 04 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%.

Hiện tại, Dự án đã thực hiện xong san nền, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thi công xây dựng 02 lô đất nhà ở liền kề, nhà ở xây dựng 3 tầng có ký hiệu lô đất là LP11-01 đến LP11-07 và LP12-01 đến LP12-06 và nhà ở liền kề xây dựng 04 tầng có ký hiệu lô đất là LP11-08 đến LP11-14 và LP12-07 đến LP12-12.

+ Nhà ở liền kề xây dựng 05 tầng: 24 căn với tổng diện tích đất là 4.383,95 m², diện tích xây dựng là 3.507,16 m², diện tích sàn là 14.028,64 m² (trong đó: LP-03 (12 căn) với diện tích đất là 2.157,33 m², diện tích xây dựng là 1.725,86 m², diện tích sàn là 6.903,46 m², LP-04 (12 căn) với diện tích đất là 2.226,62 m², diện tích xây dựng là 1.781,3 m², diện tích sàn là 7.125,18 m²), chiều cao xây dựng 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%.

- Nhà biệt thự: Gồm 50 căn, quy mô 03 tầng; Diện tích xây dựng 4.935,42 m², mật độ xây dựng 60%, tổng diện tích sàn khoảng 8.883,76 m².

- Các công trình công cộng (nhà văn hóa, nhà câu lạc bộ): Quy mô 1-2 tầng; mật độ xây dựng 40%, tổng diện tích sàn khoảng 1.689,72 m².

- Công trình thương mại dịch vụ: Quy mô 04 tầng; mật độ xây dựng 40%, tổng diện tích sàn khoảng 9.436 m².

- Công trình khách sạn: Khách sạn tiêu chuẩn 3 sao, quy mô 6 tầng với 150 phòng, tổng số 230 giường (trong đó: 70 phòng có 01 giường đôi và 80 phòng có 02 giường đơn); mật độ xây dựng 40%, tổng diện tích sàn khoảng 15.541 m².

- Đường giao thông nội bộ thiết kế với vận tốc 30 km/h theo QCVN 07-4:2016/BXD, chia làm các tuyến như sau:

TT	Tuyến	Chiều dài (m)	Chiều rộng	Chiều rộng (m)		
			Lòng đường (m)	Hè đường	Dãi phân cách	Nền đường
1	N1	488,31	6,00 × 2	8,00 + 4,00	2,00	26,00
2	N2	403,62	5,52 × 2	4,00 + 8,00	0,00	22,50
3		58,00	5,25 × 2	4,00 + 3,00	0,00	17,50
4	N3	303,10	5,25 × 2	4,00 + 8,00	0,00	22,50
5	N4	265,62	3,75 × 2	4,00 + 4,00	0,00	15,50
6		115,63	3,75 × 2	8,00 + 4,00	0,00	19,50
7	N5	225,39	3,75 × 2	3,00 + 3,00	0,00	13,50
8	N6	216,52	4,00	3,00 + 0,00	0,00	7,00
9	N7	98,35	4,00	0,00 + 3,00	0,00	7,00
10	N7A	112,95	4,00	0,00 + 3,00	0,00	7,00
11	N8	190,96	3,75 × 2	3,00 + 3,00	0,00	13,50
12	N9	230,58	3,75 × 2	3,00 + 3,00	0,00	13,50
13		243,13	3,75 × 2	1,50 + 3,00	0,00	12,00
14	N10	251,86	3,75 × 2	0,00 + 3,00	0,00	10,50
15	N11	72,60	3,75 × 2	0,00 + 3,00	0,00	10,50
16	N12	81,17	3,75 × 2	3,00 + 3,00	0,00	13,50
17	N13	171,86	3,75 × 2	3,00 + 3,00	0,00	13,50

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng đường ống phân phối gang D150 dẫn nước từ trạm cấp nước chung của thị xã Nghĩa Lộ cấp đến khu vực Dự án. Từ đường ống D150 thiết kế các tuyến ống phân phối đường kính D110 mm - D160 mm nối với nhau thành mạng vòng cung cấp cho toàn bộ các đối tượng dùng nước của dự án.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế thành 3 lưu vực thoát nước chính. Nước mưa trong các lưu vực sau theo các ống nhánh D400 mm, vào các tuyến cống chính D600-D800 mm - cống hộp BxH = 600 x 700, sau đó đầu nối hệ thống thoát nước hiện trạng của thị xã Nghĩa Lộ tại phía Đông, Đông Nam, Nam dự án.

- Hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng: Tổng phụ tải điện toàn khu vực Dự án là 2.500 kVA; bố trí hệ thống chiếu sáng giao thông nội bộ và sân vườn cảnh quan. Nguồn điện cấp cho khu vực Dự án lấy từ lưới điện của Thị xã Nghĩa Lộ thông qua các tuyến cáp 22 kV.

- Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt của từng công trình trong các lô đất sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách mỡ (đối với nước thải nhà bếp) được

thu gom vào các tuyến cống nhánh, cống chính dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày đêm đặt tại phía Nam ở khu vực Dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước chung của thị xã Nghĩa Lộ. Cống thoát nước tự chảy sử dụng vật liệu BTCT bố trí ngầm trên hè, dọc các trục đường, có đường kính D300 mm - D400 mm.

- Hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với khu vực nhà thấp tầng: Mỗi hộ tự bố trí các thùng chứa chất thải. Chất thải rắn được thu gom hàng ngày theo giờ cố định do nhân viên vệ sinh thực hiện đến điểm tập trung và đưa đi khu xử lý.

+ Đối với khu công cộng: sử dụng thùng chứa loại 2-3 ngăn đặt trong khu vực cây xanh hoặc trên đường phố, trên thùng chứa có chỉ dẫn phân loại chất thải rắn hữu cơ và vô cơ. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày bằng xe chuyên dụng đưa đi khu xử lý. Thể tích thùng là 60 lít, khoảng cách bố trí là 100 m/thùng.

+ Đối với nhà dịch vụ thương mại, khách sạn: Bố trí các thùng chứa rác từng tầng, thực hiện phân loại rác tại nguồn. chất thải rắn được thu gom hàng ngày theo giờ cố định do nhân viên vệ sinh thực hiện đến điểm tập trung và đưa đi khu xử lý.

+ Bãi tập kết xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại phía Nam sẽ tập kết thêm rác thải của các lô đất: LP07 đến LP12, LK04- LK06, XH01. Tọa độ dự kiến bãi tập kết: X= 2388693; Y= 474099,81. Ngoài điểm tập kết rác phía Nam, dự án bố trí thêm 2 điểm tập kết xe rác để thu gom rác cho toàn bộ Khu đô thị như sau: Phía Tây Nam: thu gom rác của các lô đất LK01 đến LK03, LK02, XH01; phía Đông Nam: thu gom rác của các lô đất LP06, BT04, BT05.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ, không gian mở của dự án với diện tích 37.774,63 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

Dự án trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, toàn bộ đất khu vực thực hiện dự án là đất ở, đất thương mại, dịch vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ thi công xây dựng.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường, hệ thống giao thông khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ khu vực dự án phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường nội bộ của dự án.
- Nước mưa chảy tràn.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Nguồn phát sinh quy mô tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 4,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ trạm trộn bê tông, quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng 11,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, bùn, đất...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh chủ yếu trên mặt bằng thi công với lưu lượng 100,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

- Quy mô, phạm vi tác động trong phạm vi khu vực dự án và khu vực xung quanh.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư là 1.900 người, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này 443,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề mặt khu vực dự án 168.578,78 m² với lưu lượng 198,65 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động đắp, san tạo mặt bằng, vận chuyển đất đá thải, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, phương tiện, máy móc thi công giao thông ra vào khu vực dự án, từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án... Thành phần chủ yếu là bụi, bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, VOC, HC, H₂S...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải trong giai đoạn vận hành

Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân, quá trình nấu ăn, khu vực tập trung chất thải rắn, khu xử lý nước thải... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi; các khí độc: CO, CO₂, SO₂, NO_x, NH₃, CH₄, H₂S...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng. Khối lượng phát sinh 100 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân của dự án. Khối lượng phát sinh 1.900 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Đá, cát, gạch vỡ, vữa, vật liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng... Khối lượng phát sinh 828 tấn/giai đoạn (*thời gian thi công 18 tháng*).

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Bùn từ các hố ga thu gom nước khoảng 50,0 kg/ngày.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với lượng phát sinh là 48,2 kg/ngày (*chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần*).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công và quá

trình thi công xây dựng. Khối lượng 86,7 kg/giai đoạn (*thời gian thi công 18 tháng*), tương đương 0,16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: bóng đèn huỳnh quang thải, vỏ ắc quy hỏng thải, giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ chai đựng dầu nhớt, dầu mỡ thải...

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH trong giai đoạn vận hành: Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt, kinh doanh của các hộ gia đình hàng ngày của người dân. Khối lượng phát sinh 1,37 tấn/năm. Thành phần chủ yếu gồm các loại pin, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải, rẻ lau dính dầu mỡ thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải (*xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng...*); tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (*máy đầm nén, máy xúc, xe nâng...*); tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt, trộn bê tông...

- Nguồn phát sinh độ rung chủ yếu từ các máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường...

3.3.2. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành: Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân, khách vãng lai trong khu dân cư của dự án và khách đến trung tâm thương mại, dịch vụ, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác; máy điều hòa không khí, máy phát điện,...

3.4. Các sự cố môi trường của dự án: Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án gồm: Sự cố do thiên tai (*mưa bão, lũ lụt*); sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; sự cố cháy nổ máy biến áp...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án bố trí 03 nhà vệ sinh di động để xử lý nước thải sinh hoạt. Mỗi nhà vệ sinh di động gồm 02 bồn chứa (*bồn chứa cặn bã 1.200 lít và bồn nước 1.050 lít*), vật liệu chế tạo là composite. Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý định kỳ 2 - 3 lần/tuần, không thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: Được thu gom vào rãnh và hố lắng sơ bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước. Nước thải thi công sẽ được đưa vào 01 bể lắng cặn đất cát và lọc dầu mỡ bằng lưới vải chuyên dụng. Kích thước của bể lắng là (2,0 x 1,5 x 1,0 m) đảm bảo lưu từ 2 giờ - 3 giờ, nước sau khi xử lý được tái sử dụng vào các mục đích như trộn vữa, rửa đá không thải ra môi trường. Bể lắng được bố trí tại cổng công trường phía Bắc dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa đã được hoàn thiện. Hệ thống thoát nước mưa được chia làm 03 lưu vực thoát nước thoát về 03 hố ga đầu nối CX1, CX2, CX3:

+ Điểm đầu nối ra ga CX1: Thu Nước mưa đường vào các tuyến cống D400, D600, D800 rồi thoát vào hố ga đầu nối CX1;

+ Điểm đầu nối ra ga CX2: Thu Nước mưa đường vào các tuyến cống D400, D600, D800 rồi thoát vào hố ga đầu nối CX2;

+ Điểm đầu nối ra ga CX3: Thu Nước mưa đường vào các tuyến cống D400, D600, D800 rồi thoát vào hố ga đầu nối CX3.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống bê tông cốt thép D300	m	797
2	Ống bê tông cốt thép D400	m	2561
3	Ống bê tông cốt thép D600	m	413
4	Ống bê tông cốt thép D800	m	667
5	Rãnh bê tông cốt thép D400	m	98
6	Cống hộp B×H=600×700	m	56
7	Ga thăm	cái	94
8	Ga thu	cái	159
9	Ga thu thăm kết hợp	cái	80
10	Đế cống D800	cái	798
11	Đế cống D600	cái	496
12	Đế cống D400	cái	3075
13	Đế cống D300	cái	956

4.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt của từng công trình trong các ô đất sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, được thi gom vào các tiếng công nhánh, cống chính dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 450 m³/ngày đêm, tại phía Nam khu đất quy hoạch. Sau khi nước thải được xử lý đạt quy chuẩn sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Cống thoát nước thải tự chảy sử dụng vật liệu bê tông cốt thép bố trí đi trên hè, dọc các trục đường có đường kính D300.

+ Đối với khu nhà ở: Nước thải sinh hoạt từ các nhà khu ở được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại tại mỗi công trình sau đó qua hệ thống cống gom dẫn về trạm xử lý nước thải phía Nam dự án, sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ thoát ra tuyến

công thoát nước chung của thị xã Nghĩa Lộ.

+ Đối với khu thương mại, dịch vụ, khách sạn: Hệ thống thoát nước xám: bao gồm nước rửa sàn, nước thoát của lavabo, nước tắm,... được thu gom qua đường ống rồi thoát ra hệ thống thoát nước ngoài nhà trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải; hệ thống thoát nước đen: Bao gồm nước của bồn cầu, tiểu treo,.. được thu gom theo đường ống ngang vào trục của khu vệ sinh sau đó sẽ được gom chung tại tầng kỹ thuật về các trục kỹ thuật chính rồi dẫn xuống bể tự hoại. Sau khi xử lý cục bộ qua bể tự hoại nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải; hệ thống thoát nước bếp: Nước thải được thu gom theo đường ống ngang vào trục thoát bếp chính sau đó sẽ được gom chung tại tầng kỹ thuật về các trục kỹ thuật chính rồi dẫn xuống bể tách mỡ. Sau khi xử lý cục bộ qua bể tách mỡ nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống mạng lưới thoát nước bản: Mạng lưới đường ống thoát nước bản trong khu vực là hệ thống thoát nước riêng, sử dụng ống UPVC, PE80-PN6, nối bằng phương pháp dán keo; toàn bộ hệ thống công thoát nước bản được lắp đặt tại đáy hào; trên mạng lưới thu gom nước thải đặt các ga thăm công khoảng cách 20-30 m/ga và kết hợp các điểm chuyển hướng tuyến.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

STT	Tên vật tư	Khối lượng	Đơn vị
1	Ống bê tông cốt thép D300	3254	m
2	Ga thăm công D300	146	cái
3	Gõ đỡ công D300	3905	cái
4	Trạm bơm nước thải công suất Q=15 m ³ /h	1	cái

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung 450 m³/ngày đêm:

STT	Tên bể	Ký hiệu	Đơn vị	Kích thước L×B×H	Thể tích sau khi hợp khối	Thời gian lưu nước
1	Bể phòng ngừa sự cố	B-01	m ³	3,8×5,4×3,7	75,9	10,5 giờ
2	Bể điều hòa 2	B-02	m ³	7,1×5,4×3,7	141,9	
3	Bể thiếu khí	B-03	m ³	1,6×5,4×3,7	32,0	1,2 giờ
4	Bể hiếu khí	B-04	m ³	9,5×5,4×3,7	189,8	8-10 giờ
5	Bể lắng sinh học	B-05	m ³	5×5,4×3,7	99,9	4-6 giờ
6	Bể khử trùng	B-06	m ³	5×5,4×3,7	99,9	4 giờ
7	Bể chứa bùn	B-07	m ³	2,2×5,4×3,7	44,0	28,8 giờ

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đầu tư đầy đủ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thu gom,

thoát nước mưa ngoài nhà và hệ thống thu gom, thoát nước mưa trong các công trình của dự án nhằm hạn chế các hư hỏng, tắc nghẽn và vỡ đường ống gây ra các hiện tượng ngập úng... Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh, nạo vét bùn đất lắng cặn tại hố ga và toàn bộ hệ thống nhằm đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống thoát nước mưa theo đúng thiết kế của dự án. Nước mưa sau khi thu gom, xử lý được đưa về hệ thống thoát nước chung của thị xã Nghĩa Lộ.

+ Các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn khu vực dự án như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống bê tông cốt thép D300	m	797
2	Ống bê tông cốt thép D400	m	2561
3	Ống bê tông cốt thép D600	m	413
4	Ống bê tông cốt thép D800	m	667
5	Rãnh bê tông cốt thép D400	m	98
6	Cống hộp B×H=600×700	m	56
7	Ga thăm	cái	94
8	Ga thu	cái	159
9	Ga thu thăm kết hợp	cái	80
10	Đế cống D800	cái	798
11	Đế cống D600	cái	496
12	Đế cống D400	cái	3075
13	Đế cống D300	cái	956

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái trong khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của dự án.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành dự án và tách biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (Hệ số K = 1,2).

4.1.3. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chủ Dự án phối hợp với nhà thầu xây dựng lập kế hoạch vận chuyển, thời gian vận chuyển và bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển các

tuyến đường đông dân cư sinh sống và cam kết việc vận chuyển không gây ảnh hưởng ùn tắc giao thông, ảnh hưởng tới người tham gia giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất thải và vật liệu xây dựng 01 lần/ngày, tăng tần suất lên 3 - 4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1,0 km từ dự án.

- Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được kiểm tra định kỳ về nồng độ chất thải mới được phép lưu thông và vận hành trong công trường; không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

- Bố trí công nhân dọn vệ sinh khi có hiện tượng đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu; thường xuyên quét dọn vệ sinh mặt đường với chiều dài khoảng 300 m của đường giao thông, đường tại vị trí tiếp giáp điểm nối với điểm đầu, điểm cuối của Công trình đường, vị trí bãi tập kết thải rắn.

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

- Làm sạch phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (*khẩu trang, kính, mũ...*) cho công nhân làm việc tại các vị trí như: cắt sắt, hàn xì, lắp dựng cột thép và mái che.

- Khí thải từ các phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt cháy: Sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định về yêu cầu trong vận chuyển; kiểm soát chặt chẽ phương tiện thi công, khống chế phát thải của các phương tiện này theo Luật Bảo vệ môi trường; tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng phải được kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Bụi phát sinh từ hoạt động của khu dân cư: Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo tuyến đường nội bộ của dự án để giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại dự án: Khuyến khích người dân sử dụng bếp điện từ; tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất xung quanh.

- Giảm thiểu khí thải do máy phát điện dự phòng: xây dựng các phòng đặt máy phát điện: cao, rộng, kín và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý; trang

bị hệ thống làm mát máy phát điện và phòng ngừa tích tụ khí thải; cam kết sử dụng nhiên liệu chạy máy phát điện có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi vận hành dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng:

+ Các loại chất thải không thể tận dụng như như đá, gạch vỡ được chủ dự án dự kiến sẽ đặt 01 thùng ben loại 5 m³ chứa chất thải rắn xây dựng và được tập kết tạm thời tại bãi tập kết, sau đó dự kiến đổ thải tại bãi đổ thải vật liệu thải theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng được bố trí tại cổng công trường phía Bắc dự án giáp đường giao thông tiếp nhận vật liệu xây dựng và máy móc ra vào thi công Dự án và đảm bảo không gây cản trở giao thông đi lại trên công trường.

+ Ký hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị thị xã Nghĩa Lộ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với các loại chất thải có thể tái sử dụng như: coffa, sắt thép, vỏ bao xi măng... sẽ được phân loại để tái sử dụng, hoặc tập kết tại khu vực kho chứa và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Phân loại rác thải, không để chung rác thải sinh hoạt với các loại rác thải khác.

+ Trang bị 4 thùng chứa rác thải sinh hoạt bằng composite, có nắp đậy có thể tích 60 lít/thùng, để chứa rác tại khu lán trại, ban chỉ huy công trường và khu vực tập trung đông công nhân.

+ Thuê Công ty Môi trường đô thị thị xã Nghĩa Lộ thu gom, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 1 ngày/lần.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình sinh sống trong khu vực dự án tự thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình và tập kết tại điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh được thu gom hàng ngày bằng xe đẩy rác loại 1,0 m³, chuyển về vị trí điểm tập kết có diện tích khoảng 20 m² tại lô hạ tầng kỹ thuật, kết cấu nền bê tông cốt thép dày 20 cm, tường xây bao quanh cao 15 cm, có rãnh thu nước. Chất thải rắn sinh hoạt hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị thị xã Nghĩa Lộ để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn dư từ trạm xử lý nước thải: Định kỳ 06 tháng/lần đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý theo quy định.

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời CTNH phía Tây của công trường, tại khi lưu giữ bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH trong giai đoạn vận hành

- Đối với khu vực nhà thấp tầng: Mỗi hộ tự bố trí các thùng chứa chất thải. Chất thải rắn được thu gom hàng ngày theo giờ cố định do nhân viên vệ sinh thực hiện đến điểm tập trung và đưa đi khu xử lý.

- Đối với khu công cộng: Sử dụng thùng chứa loại 2-3 ngăn đặt trong khu vực cây xanh hoặc trên đường phố, trên thùng chứa có chỉ dẫn phân loại chất thải rắn hữu cơ và vô cơ. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày bằng xe chuyên dụng đưa đi khu xử lý. Thể tích thùng là 60 lít, khoảng cách bố trí là 100 m/thùng.

- Đối với nhà dịch vụ thương mại, khách sạn: Bố trí các thùng chứa rác từng tầng, thực hiện phân loại rác tại nguồn. chất thải rắn được thu gom hàng ngày theo giờ cố định do nhân viên vệ sinh thực hiện đến điểm tập trung và đưa đi khu xử lý.

- Bãi tập kết xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại phía Nam sẽ tập kết thêm rác thải của các lô đất: LP07 đến LP12, LK04- LK06, XH01. Tọa độ dự kiến bãi tập kết: X= 2388693; Y= 474099,81. Ngoài điểm tập kết rác phía Nam, dự án bố trí thêm 2 điểm tập kết xe rác để thu gom rác cho toàn bộ Khu đô thị như sau: Phía Tây Nam: thu gom rác của các lô đất LK01 đến LK03, LK02, XH01; phía Đông Nam: thu gom rác của các lô đất LP06, BT04, BT05.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng.

Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp

nhất; định kỳ bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện thi công; công nhân thi công tại công trường phải được trang bị bảo hộ lao động; tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng kiểm trước khi đưa vào sử dụng; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

4.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Tuân thủ các quy định về tiếng ồn, độ rung; lập nội quy ra, vào khu vực hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án...

- Máy phát điện được đặt trên các bệ đúc móng chắc chắn, đảm bảo khoa học kỹ thuật đã quy định, lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung, kiểm tra độ cân bằng khi lắp đặt kiểm tra, bảo trì định kỳ, chú ý việc bôi trơn và thay thế, sửa chữa các chi tiết hỏng; máy phát điện được lựa chọn loại tốt từ nhà sản xuất uy tín, thường xuyên bảo dưỡng bảo trì để khí thải đạt tiêu chuẩn cho phép.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công;

- Các kho chứa nguyên vật liệu, đặc biệt là các nguyên nhiên liệu dễ cháy nổ phục vụ thi công cần được xây dựng tại khu vực thông thoáng, nằm cách xa các khu vực phát sinh nguồn nhiệt, tia lửa như khu vực gia công thép, hàn xì... Các khu vực tập kết nguyên nhiên liệu dễ cháy nổ cần được đặt biển cấm lửa;

- Bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại những khu vực có nguy cơ cháy nổ. Đào tạo, nâng cao ý thức của công nhân về phòng cháy chữa cháy. Giáo dục ý thức đề phòng và cẩn thận theo quy tắc với các thiết bị điện;

- Hệ thống cấp điện cho các máy móc, thiết bị thi công cần được kiểm tra định kỳ, giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra sự cố chập điện và cháy nổ;

- Công nhân thi công gia nhiệt cần được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Các hộ gia đình phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai lũ lụt do mưa bão gây ra; tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát nước.

- Biện pháp phòng, chống cháy nổ: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; lựa chọn các nhà cung cấp gas tin cậy, hướng dẫn người dân sử dụng gas an toàn; mỗi khu vực cấp

điện khác nhau đều được đặt hệ thống aptomat bảo vệ quá tải ngắn mạch tại các tủ điện.

- Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Bố trí bể sự cố dung tích khoảng 75 m³ bên cạnh bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung; kết cấu bằng bê tông cốt thép, để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố; lắp đặt bơm quay vòng nước thải về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về chất lượng nước thải đầu vào, hoặc sự cố hỏng hóc thiết bị trong trạm, hoặc cần dừng hoạt động trạm để bảo trì bảo dưỡng... nước thải được bơm từ bể gom sang bể sự cố và bể điều hòa để có biện pháp thực hiện cũng như hoạt động phù hợp với tình trạng xử lý.

+ Trường hợp sự cố khắc phục mất nhiều thời gian, vượt ngoài khả năng chứa của bể điều hòa và bể sự cố sẽ tiến hành gọi đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý. Đảm bảo nước thải chưa đạt quy chuẩn không xả ra môi trường.

+ Sau khi khắc phục được các nguyên nhân gây ra sự cố, nước thải chứa trong bể sự cố được bơm dần vào hệ thống xử lý để xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2011/BTNMT, cột B.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

+ Thực hiện các yêu cầu về phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị theo Quyết định tại Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát gồm 3 vị trí: Khu vực cổng dự án; khu vực tập kết nguyên vật liệu; khu xây dựng các công trình.

- Thông số giám sát: Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.2.3 Giám sát khác: Giám sát chất lượng chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải, CTNH. Giám sát thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

Dự án đi vào hoạt động không thuộc đối tượng phải tiến hành giám sát, quan trắc môi trường về nước thải, khí thải theo Điều 111 và 112 của Luật bảo vệ môi trường và theo Điều 97 và 98 của Nghị định 08/2022/NĐCP của Chính phủ. Việc giám sát do chủ đầu tư tự quyết định để báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

6.1. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nếu chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo quy chuẩn môi trường (*QCVN 14:2008/BTNMT-Cột B*) Chủ dự án phải thực hiện đầu tư nâng cấp công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.3. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.4. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.5. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

6.6. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu,

khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.7. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.8. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.10. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.